TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày: 25-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Tấn Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 276/2017/TLST–DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn E, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp 4, xã C, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

Ông E có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông E trình bày: Ông có tham gia tham gia 3 dây hụi do bà H làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi tháng 500.000 đồng, khui vào ngày 30/8/2015 âm lịch, gồm 26 phần, ông tham gia 1 phần. Ông đã tham gia đóng hụi được 11 lần, rồi bà H

đã tự ngưng hụi và có hứa sẽ trả lại tiền hụi sống cho ông. Bà H còn nợ ông tiền hụi 5.500.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui vào ngày 20/11/2015 âm lịch, gồm 22 phần, ông tham gia 1 phần. Ông đã tham gia đóng hụi được 8 lần, rồi bà H đã tự ngưng hụi và có hứa sẽ trả lại tiền hụi sống cho ông. Bà H còn nợ ông tiền hụi 8.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Hụi tháng 500.000 đồng, khui vào ngày 10/10/2016 âm lịch, gồm 24 phần, ông tham gia 1 phần. Ông đã tham gia đóng hụi được 11 lần, rồi bà H đã tự ngưng hụi và có hứa sẽ trả lại tiền hụi sống cho ông. Bà H còn nợ ông tiền hụi 5.500.000 đồng.

Tổng cộng 3 dây hụi, bà H còn nợ ông tổng số tiền 19.000.000 đồng. Sau đó, bà H có trả cho ông 10.400.000 đồng, còn nợ lại 8.600.000 đồng. Ông có nhiều lần yêu cầu bà H trả nhưng bà H không thực hiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H trả ngay cho ông tiền hụi là 8.600.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét ông E yêu cầu bà H trả sô tiền nợ hụi 8.600.000 đồng, thấy rằng: Ông E là hụi viên đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hụi viên là đóng tiền hụi đầy đủ. Nhưng bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi theo thoả thuận là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi được quy định tại Điều 22 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên bà H phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Mặt khác, bà H có làm giấy nhận nợ ông E ba dây hụi với số tiền 10.000.000 đồng. Hơn nữa, bà H không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông E nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông E tổng số tiền hụi 8.600.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn E.

2. Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả ngay cho ông Ngô Văn E số tiền hụi 8.600.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông E có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 430.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn E 215.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 14774 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức